| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DI LINH**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 50/2022/DS-ST<br>Ngày: 29-7-2022<br>V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Bá Cường Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vũ Văn Toán.

2. Bà Now Sye Hồng Thuyên.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thúy Dàng – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Di Linh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Di Linh***: Bà My La - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2022/TLST-DS ngày 27/6/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-DS ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Đoàn Thị M; sinh năm 1968.**
Địa chỉ: Số 123 thôn 10, xã Tm, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị T. Sinh năm 1974.**
Địa chỉ: Thôn 10, xóm 4, xã Tm, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
- Người làm chứng: **Chị Đinh Thị M; sinh năm 1979.**
Địa chỉ : Thôn 15 xã Đ, D, Lâm Đồng.

Bà M, bà T có mặt, bà M vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05/11/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà M trình bày : Do cùng sinh hoạt trong ban phụ nữ của thôn 10, xã Tân Lâm nên có quen biết bà T. Từ ngày 17/12/2017 có cho bà T vay

30.000.000đ. Mục đích vay tiền là để chi dùng sinh hoạt trong gia đình. Khi cho vay thì bà Đinh Thị M có viết hộ giấy vay tiền ghi ngày 17/12/2017 và bà T ký tên xác nhận bên dưới. Nguồn gốc số tiền có được để cho bà T vay là bà vay từ ngân hàng chính sách và xã hội huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy nên bà T mới có hẹn trả vào cuối kỳ đáo hạn ngân hàng tháng 12/2020. Đồng thời có thỏa thuận là bà T sau khi vay tiền thì bà T có trách nhiệm trả lãi cho ngân hàng chính sách hàng tháng. Theo đó bà T có trả 24 tháng tiền lãi vào ngân hàng chính sách xã hội huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 27/12/2017 đến 27/12/19 với số tiền đã trả là 6.480.000đ (lãi suất 0,9%/tháng). Từ tháng 12/2020 bà đã rất nhiều lần đòi tiền, nhưng bà T vẫn không chịu trả. Nay khởi kiện yêu cầu bà T trả 30.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi theo mức 9%/năm thời gian tính lãi từ 27/12/2017 đến ngày 27/12/2021 làm tròn là 48 tháng, thành tiền là 12.960.000đ. Tổng chung số tiền yêu cầu là 42.960.000đ. Bà M xác định chỉ kiện một mình bà Nguyễn Thị T vì bà T là người trực tiếp nhận tiền, không kiện chồng bà T ông Nghiêm Văn Quang. Bà M đồng ý trả lại cho bà T số tiền 6.480.000đ mà bà T đã trả lãi cho ngân hàng chính sách xã hội thay bà. Kèm theo đơn khởi kiện có các tài liệu chứng cứ như sau: Giấy vay tiền ghi ngày 17/12/2017. Ngoài ra bà M còn cam kết không còn lưu giữ giấy tờ tài liệu gì khác liên quan đến khoản tiền nợ mà bà đang kiện bà T.

Trong quá trình giải quyết, bà T trình bày : Ngày 17 của năm 2017, tháng nào thì không nhớ, tại hội trường xã Tm, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, bà có xác nhận vào giấy vay tiền ngày 17/12/2017 với nôi dung, có vay của bà M 30.000.000đ. Sau khi xác nhận nội dung của giấy vay tiền thì bà M có giao cho bà 20.000.000đ. Lý do bà đồng ý thỏa thuận như nội dung của giấy vay tiền ngày 17/12/2017 vì trước đó con gái bà là chị Nghiêm Thị Vân ; sinh năm 1993, địa chỉ thôn 10 xã Tm, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đã cho bà M vay 20.000.000đ. Do mong muốn bà M phải trả ngay số tiền 20.000.000đ cho chị Vân nên bà đồng ý xác nhận nội dung giấy vay tiền ngày 17/12/2017, đồng thời bà nhận nợ thay cho chị dâu của bà là bà Bà Nghiêm Thị Hoan với số tiền 10.000.000đ, thành tổng số tiền theo giấy nhận nợ là 30.000.000đ. Bà T thừa  nhận nội dung thỏa thuận trong giấy nhận nợ là đúng với ý chí của các bên, tuy nhiên phần ký tên Nguyễn Thị T bên dưới thì bà không xác định được có đúng là chữ ký của bà hay không. Thực chất bà không vay tiền của bà M nên nay bà M khởi kiện thì bà không đồng ý trả. Bà xác định có trả 24 tháng tiền lãi vào ngân hàng chính sách xã hội huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 27/12/2017 đến 27/12/19 với số tiền 6.480.000đ cho khoản vay 30.000.000đ của bà M tại ngân hàng chính sách Di Linh. Lý do bà đóng tiền lãi hộ bà M là vì thời điểm này bà là tổ Trưởng tổ vay vốn của xã, do sợ tổ vay vốn của bà mất uy tính vì chậm trả lãi cho ngân hàng nên bà đã trả lãi cho khoản vay của bà M. Nay yêu cầu bà M trả lại 6.480.000đ này. Bà không có tài liệu chứng cứ gì để nộp cho Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Người làm chứng bà Đinh Thị M trình bày: Ngày 17/12/2017 do là chỗ quen biết và bà T ghi chữ xấu nên có nhờ viết giấy Vay tiền ghi ngày 17/12/2017, sau đó bà T có tự tay ký nhận bên dưới phần người vay tiền. Sau khi làm giấy vay này thì

bà có chứng kiến bà M giao cho bà T số tiền 20.000.000đ, mệnh giá tiền như thế nào thì không nhớ. Lý do làm giấy vay 30.000.000đ mà chỉ giao 20.000.000đ như thế nào thì bà không biết. Bà M có cam kết về lời khai của mình là trung thực và đúng sự thật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà M có đơn không yêu cầu hòa giải, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới. Ngoài ra bà M còn xác định, đúng là ngày 17/12/2017, có nhờ chị M viết hộ giấy vay tiền, sau khi bà T ký tên xác nhận thì bà có giao cho bà T số tiền 20.000.000đ. Lý do làm giấy vay 30.000.000đ mà chỉ giao cho bà T 20.000.000đ là vì 10.000.000đ còn lại do bà Hoan chị dâu của bà T còn đang nợ của bà nên bà đề nghị bà T phải làm giấy nhận nợ thay cho bà Hoan số tiền 10.000.000đ này. Bà M xác định 20.000.000đ đã đưa cho bà T ngày 17/12/2017 là tiền cho bà T vay chứ không phải trả nợ cho con gái bà T là chị Vân. Tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ này, bà T giữ nguyên lời trình bày trước đây, không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa. Bà T có xem lại và xác nhận chữ ký ghi tên Nguyễn Thị T bên dưới giấy vay tiền ngày 17/12/2017 đúng là của bà.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà M trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu yêu cầu bà t trả 30.000.000đ tiền nợ gốc; yêu cầu tính lãi theo mức 0,9%/tháng, thời gian tính lãi từ 27/12/2017 đến ngày 29/7/2022 làm tròn là 1.679 ngày, thành tiền là 15.111.000đ. Tổng chung số tiền yêu cầu là 45.111.000đ; đồng ý trả lại cho bà T số tiền 6.480.000đ mà bà T đã trả lãi cho ngân hàng chính sách xã hội thay bà.

Bà T yêu cầu bà M trả lại 6.480.000đ mà bà đã trả lãi cho ngân hàng chính sách xã hội thay bà M, ngoài ra không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Viên kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

Về nội dung: Do bà T thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền ngày 17/12/2017, có tự nguyện trả tiền lãi cho khoản tiền bà M đã vay 30.000.000đ tại ngân hàng chính sách xã hội huyện Di Linh trong hai năm, vì vậy cần xác định số tiền nợ gốc đã cho vay 30.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 17/12/2017 là đúng quy định. Chấp nhận yêu cầu tính liền lãi như yêu cầu nguyên đơn tại phiên tòa. Bên cạnh đó, bà M có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền 6.480.000đ đã trả lãi cho ngân hàng chính sách xã hội thay bà M. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại xã Tm, huyện D, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân huyện Di Linh có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định. Trong quá trình giải quyết, các đương sự có đề cập đến việc vay mượn tiền giữa bà M, bà Nghiêm Thị Hoan và chị Nghiêm Thị Vân. Theo nội dung đơn khởi kiện thì các đương sự chỉ tranh chấp hợp đồng vay tài sản với số tiền 30.000.000đ giữa bà M và bà T, nội dung này các đương sự đều thừa nhận. Do đó không cần thiết phải đưa bà Hoan, chị Vân vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng bà Đinh Thị M. Hội đồng xét xử thấy rằng bà M đã có bản tự khai, Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã ghi lời khai và bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[4] Về nội dung tranh chấp : Xét nội dung và hình thức của giấy vay tiền ngày 17/12/2017 thì thấy rằng các bên tham gia ký kết hợp đồng vay tiền trên tinh thần tự nguyện, tự do thỏa thuận. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Bà M và bà T đều thừa nhận có tham gia ký kết hợp đồng, do đó Hội đồng xét xử xác định, hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2017 giữa bà M và T có hiệu lực từ ngày 17/12/2017 là đúng quy định.

[5] Về số tiền thỏa thuận cho vay trong hợp đồng vay tiền ngày 17/12/2017. Thấy rằng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà M và bà T đều thừa nhận sau khi ký kết hợp đồng thì bà M chỉ giao cho bà T 20.000.000đ. Nội dung này cũng được người làm chứng là bà M xác nhận. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định số tiền mà bà M đã cho bà T vay vào ngày 17/12/2017 là 20.000.000đ chứ không phải 30.000.000đ như trong hợp đồng đã ghi là đúng với diễn biến thực tế. Thời hạn trả nợ vay theo hợp đồng là vào tháng 12/2020 đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận. Do đó cần buộc bà T trả cho bà M 20.000.000đ tiền nợ gốc là đúng quy định. Không chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền nợ gốc của bà M, phần yêu cầu trả gốc không được chấp nhận là 10.000.000đ.

[6] Đối với số tiền 10.000.000đ ít hơn so với số tiền được ghi trong giấy vay tiền ngày 17/12/2017 thì bà M xác định đây là khoản tiền mà bà Bà Nghiêm Thị Hoan đã vay của bà trước đó nhưng chưa thanh toán. Do bà T là em dâu của bà Ngoan nên bà M yêu cầu bà T phải xác nhận gộp cả vào số tiền 20.000.000đ cho bà T vay thành tổng chung là 30.000.000đ. Hội đồng xét xử xác định số tiền 10.000.000đ này là số tiền vay mượn giữa bà M và bà Nghiêm Thị Hoan. Nếu bà

M có yêu cầu bà Ngoan trả số tiền 10.000.000đ này thì sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về yêu cầu tính lãi, bà M yêu cầu tính tiền lãi từ ngày cho vay 17/12/2017 đến ngày 29/7/2022 là 1.679 ngày, theo mức lãi 0,9%/tháng, thành tiền là 15.111.000đ. Qua xem xét giấy vay tiền ngày 17/12/2017 thì thấy rằng các bên có thỏa thuận tính tiền lãi theo mức lãi suất của ngân hàng, nhưng không xác định là ngân hàng nào, mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu, tại phiên tòa bà T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Hội đồng xét xử cần áp dụng mức lãi suất theo mức 0,83%/tháng, tương đương 0,027%/ ngày trên số tiền gốc bà T thực vay 20.000.000đ để xem xét. Cụ thể cần buộc bà T trả cho bà M số tiền lãi 20.000.000đ x 0,027% x 1.679 ngày, thành tiền 9.066.600đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của bà M, phần yêu cầu tính lãi không được chấp nhận là 15.111.000đ - 9.066.600đ, thành tiền là 6.044.400đ.

[8] Xét nội dung bà T có trả lãi cho khoản tiền bà M đã vay tại ngân hàng chính sách xã hội huyện Di Linh là 6.480.000đ thì thấy rằng. Nghĩa vụ trả lãi cho ngân hàng là nghĩa vụ của bà M vì bà M là người đứng tên trong hợp đồng vay tiền với ngân hàng chính sách xã hội huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, bà M đồng ý trả lại cho bà T số tiền 6.480.000đ này. Hội đồng xét xử cần ghi nhận nội dung này, buộc bà M trả lại cho bà T số tiền 6.480.000đ là đúng quy định.

[9] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc 20.000.000đ và lãi 9.066.600đ, phải trả cho bà M là phù hợp. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 6.480.000đ trả cho bà T; yêu cầu trả 10.000.000đ nợ gốc không được chấp nhận và yêu cầu trả lãi 6.044.400đ không được chấp nhận là đúng quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[11] Các vấn đề khác: Theo nội dung giấy vay tiền ngày 17/12/2017 có đề cập đến chồng của bà T là ông Nghiêm Văn Quang và chồng của bà M là ông Trần Thế Dự. Tại phiên tòa, các đương sự xác nhận chỉ ghi tên ông Quang và ông Dự vào là vì các ông là chồng của bà T và bà M chứ bản chất sự việc các ông này không tham gia việc vay mượn. Ngoài ra bà M còn cam kết tiền cho vay là tiền riêng của bà, không liên quan đến chồng của bà là ông Dự và bà chị kiện bà T. Do đó không cần thiết phải đưa ông Quang, ông Dự vào tham gia tố tụng.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả nợ gốc 30.000.000đ của nguyên đơn là không phù hợp với diễn biến thực tế. Trong

quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà T và bà M đều thừa nhận chỉ giao nhận số tiền 20.000.000đ chứ không phải 30.000.000đ như nội dung giấy vay tiền. Do đó hội đồng xét xử xác định số tiền mà các bên cho vay và thực nhận 20.000.000đ là đúng bản chất vụ việc và cần tính tiền lãi trên số tiền nợ gốc 20.000.000đ là đúng quy định. Các đề nghị khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; Điều 229; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Đoàn Thị M.

- Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị M số tiền nợ gốc 20.000.000đ và 9.066.600đ tiền lãi. Tổng chung số tiền phải trả là 29.066.600đ (hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền nợ gốc của bà Đoàn Thị M, phần yêu cầu không được chấp nhận là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền lãi của bà Đoàn Thị M, phần yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận là 6.044.400đ (sáu triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng).

- Bà Đoàn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 6.480.000đ (sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T phải nộp 1.453.330 (một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn ba trăm ba mươi đồng ) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đoàn Thị M phải nộp 1.126.220đ (một triệu một trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà M đã tạm ứng án phí 904.000đ (chín trăm lẽ bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006712 ngày 27/6/2022 Trả lại cho bà M số tiền thừa sau khi trừ án phí.

*Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Bà Nguyễn Thị T và bà Đoàn Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Bá Cường Huy**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
HUYỆN DI LINH-LÂM ĐỒNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Phòng nghị án TAND huyện Di Linh. HĐXX đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 104/2022/TLST-DS ngày 27/6/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-DS ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Đoàn Thị M; sinh năm 1968.**
Địa chỉ: Số 123 thôn 10, xã Tm, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị T. Sinh năm 1974.**
Địa chỉ: Thôn 10, xã Tm, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.
- Người làm chứng: **Chị Đinh Thị M; sinh năm 1979.**
Địa chỉ : Thôn 15 xã Đ, D, Lâm Đồng.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Bá Cường Huy.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Vũ Văn Toán.
2. Bà Now Sye Hồng Thuyên.

1- Ý kiến thành viên HĐ xét xử:

Hội thẩm Toán ý kiến:

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; Điều 229; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Đoàn Thị M.

- Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị M số tiền nợ gốc 20.000.000đ và 9.066.600đ tiền lãi. Tổng chung số tiền phải trả là 29.066.600đ (hai mươi chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền nợ gốc của bà Đoàn Thị M, phần yêu cầu không được chấp nhận là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền lãi của bà Đoàn Thị M, phần yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận là 6.044.400đ (sáu triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng).

- Bà Đoàn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 6.480.000đ (sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T phải nộp 1.453.330 (một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn ba trăm ba mươi đồng ) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đoàn Thị M phải nộp 1.126.220đ (một triệu một trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà M đã tạm ứng án phí 904.000đ (chín trăm lẽ bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006712 ngày 27/6/2022 Trả lại cho bà M số tiền thừa sau khi trừ án phí.

*Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Bà Nguyễn Thị T và bà Đoàn Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Ý kiến Hội thẩm Thuyên**: Nhất trí với ý kiến của hội thẩm Trâm.

**Ý kiến của chủ Tọa phiên Tòa**: Thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm.

+ Biểu quyết: Chủ tọa và hai hội thẩm biểu quyết thống nhất 3/3 phát hành bản án như ý kiến hội thẩm Toán.

Nghị án kết thúc lúc 14 giờ 00 cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA